

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM - PLX

Khả quan

Trên đà hồi phục

Giá mục tiêu (12T)

Dầu khí | CẬP NHẬT

VND45.600

Consensus*: Mua:3 Giữ:2 Bán:0

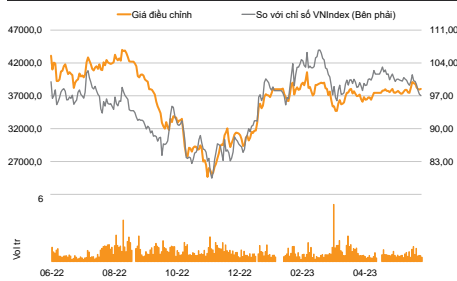
Giá mục tiêu / Consensus: 7,5%

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

- Nâng dự phóng EPS 2023 lên 2,4%
- Hạ dự phóng EPS 2024-25 xuống 4,4%/4,2%

Khuyến nghị cũ	Khả quan
Giá mục tiêu cũ	VND45.600
Giá thị trường	VND38.050
Cao nhất 52 tuần (VND)	44.000
Thấp nhất 52 tuần (VND)	24.650
GTGDQB 3 tháng (tr VND)	32.170
Thị giá vốn (tỷ VND)	48.219
Free float	6%
Tỷ suất cổ tức	1,84%
P/E trượt (x)	34,0
P/B hiện tại (x)	2,01

Diễn biến giá



Nguồn: VND RESEARCH

Cơ cấu sở hữu

Ủy ban QLVN tại Doanh nghiệp	75,9%
ENEOS Việt Nam	13,1%
Khác	11,0%

Nguồn: VND RESEARCH

Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Ngọc Hải

hai.nguyennhoc2@vndirect.com.vn

- Lợi nhuận (LN) ròng Q1/23 tăng 154,7% svck lên 620 tỷ đồng nhờ nguồn cung xăng dầu trong nước ổn định trở lại, hỗ trợ cho LN gộp của PLX.
- Chúng tôi kỳ vọng PLX sẽ đạt tăng trưởng kép LN ròng là 46,1% trong năm 2023-25 nhờ thị trường xăng dầu trong nước ổn định trở lại và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gia tăng.
- Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu không đổi là 45.600 đồng.

KQKD Q1/23 phục hồi nhờ nguồn cung xăng dầu nội địa ổn định trở lại

Doanh thu Q1/23 đi ngang svck đạt 67.432 tỷ đồng (+0,6% svck). Tuy nhiên, LN gộp Q1/23 tăng mạnh 28,1% svck lên 3.559 tỷ đồng nhờ nguồn cung trong nước ổn định trở lại khi nhà máy lọc dầu (NMLD) Nghi Sơn hoạt động hết công suất, giúp PLX giảm thiểu các khoản chi phí đột biến liên quan đến việc tăng nguồn hàng nhập khẩu như trong Q1/22. Trong Q1/23, chi phí bán hàng tăng 22,2% svck lên 2.808 tỷ đồng do chi phí nhân viên cao hơn (+27% svck) và LN tài chính thuần tăng 520% svck lên 131 tỷ đồng chủ yếu nhờ lãi tỷ giá cao hơn. Kết quả, PLX ghi nhận LN ròng Q1/23 đạt 620 tỷ đồng, tăng trưởng 154,7% svck và hoàn thành 17% dự phóng cả năm của chúng tôi.

Thoái vốn thành công tại PGBank sẽ hỗ trợ cho KQKD năm 2023

Vào ngày 7/4 vừa qua, PLX đã bán đấu giá toàn bộ 120 triệu cổ phần PGBank (PGB), tương đương 40% tổng cổ phần của ngân hàng với giá 21.400 đ/cp. Thương vụ thành công đồng nghĩa với việc PLX đã thoái vốn hoàn toàn khỏi PGB và thu về 2.568 tỷ đồng. Chúng tôi ước tính PLX ghi nhận ~680 tỷ đồng doanh thu tài chính trong Q2/23, tương đương khoảng 14% LNTT của PLX trong năm 2023.

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kép LN ròng đạt 46,1% trong năm 2023-25

Chúng tôi kỳ vọng PLX sẽ phục hồi mạnh mẽ từ trong giai đoạn 2023-25 với mức tăng trưởng kép LN ròng đạt 46,1% nhờ: (1) thị trường xăng dầu trong nước ổn định trở lại từ năm 2023 nhờ việc NMLD Nghi Sơn vận hành hết công suất và việc điều chỉnh phụ phí kinh doanh xăng dầu kịp thời và đầy đủ của cơ quan quản lý, giúp hạn chế các chi phí kinh doanh xăng dầu đột biến như đã phát sinh trong năm 2022, và (2) tổng sản lượng tiêu thụ xăng dầu đạt tăng trưởng kép là 3% trong năm 2023-25.

Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu không đổi là 45.600 đồng

Chúng tôi tăng nhẹ dự phóng EPS năm 2023 lên 2,4%, nhưng hạ dự phóng EPS năm 2024-25 xuống 4,4%/4,2% do: (1) tăng LN tài chính năm 2023 nhờ khoản LN từ thương vụ thoái vốn PGB, và (2) giảm dự phóng LN từ liên doanh liên kết năm 2023-25 do không còn đóng góp của PGB kể từ Q2/23. Giá mục tiêu theo phương pháp DCF của chúng tôi giữ nguyên ở mức 45.600 đồng. Sau một năm 2022 khó khăn chưa từng có đối với ngành phân phối xăng dầu, chúng tôi tin tưởng vào triển vọng phục hồi mạnh mẽ của PLX từ năm 2023 trở đi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả quan với PLX. Động lực tăng giá là sản lượng tiêu thụ xăng dầu cao hơn kỳ vọng. Rủi ro giảm giá chủ yếu đến từ sự gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong nước do sự cố có thể tái diễn tại NMLD Nghi Sơn.

Tổng quan tài chính (VND)	12-21A	12-22A	12-23E	12-24E
Doanh thu thuần (tỷ)	169.009	304.064	277.703	271.305
Tăng trưởng DT thuần	36,4%	79,9%	(8,7%)	(2,3%)
Biên lợi nhuận gộp	7,5%	4,1%	5,1%	5,6%
Biên EBITDA	3,9%	1,7%	2,9%	3,2%
LN ròng (tỷ)	2.839	1.450	3.783	4.195
Tăng trưởng LN ròng	187,2%	(48,9%)	161,0%	10,9%
Tăng trưởng LN cốt lõi	187,2%	(48,9%)	161,0%	10,9%
EPS cơ bản	2.194	1.120	2.924	3.242
EPS điều chỉnh	2.194	1.120	2.924	3.242
BVPS	19.417	18.930	20.766	21.952
ROAE	12,3%	5,8%	14,7%	15,2%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Trên đà hồi phục

Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu là 45.600 đồng

Chúng tôi ưa thích PLX vì: (1) vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp (DN) trong lĩnh vực phân phối xăng dầu tại Việt Nam, qua đó có thể giúp DN hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ngày càng tăng tại Việt Nam (được dự báo đạt tốc độ tăng trưởng kép khoảng 4,3% trong giai đoạn 2022-30), và (2) tiềm năng phục hồi mạnh mẽ của DN từ năm 2023 trở đi nhờ sự ổn định trở lại của thị trường xăng dầu trong nước. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả quan đối với PLX với giá mục tiêu theo phương pháp DCF không đổi là 45.600 đồng.

Động lực tăng giá và rủi ro giảm giá:

- Động lực tăng giá là sản lượng tiêu thụ xăng dầu cao hơn kỳ vọng.
- Rủi ro giảm giá chủ yếu đến từ sự gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong nước do sự cố có thể tái diễn tại NMLD Nghi Sơn, dẫn đến phát sinh các chi phí nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu bất thường.

Hình 1: Giá mục tiêu theo phương pháp DCF

Phương pháp DCF	
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do (tỷ đồng)	38.542
Giá trị hiện tại năm cuối mô hình (tỷ đồng)	19.482
Giá trị doanh nghiệp (tỷ đồng)	58.025
Cộng: Tiền và tương đương tiền (tỷ đồng)	18.704
Trừ: Nợ (tỷ đồng)	(14.413)
Trừ: Lợi ích cổ đông thiểu số (tỷ đồng)	(3.290)
Giá trị VCSH (tỷ đồng)	59.026
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	1.294
Giá trị cổ phiếu (đồng)	45.619
Giá mục tiêu (đồng)	45.600

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 2: Định giá DCF – Tóm tắt dự phóng dòng tiền (FCF)

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025	2030	2035	CAGR 22-35
DT thuần	304.064	277.703	271.305	268.033	327.569	369.125	1,5%
% svck	79,9%	-8,7%	-2,3%	-1,2%	3,3%	1,9%	
COGS & OPEX	(303.067)	(274.474)	(266.706)	(262.979)	(321.393)	(362.165)	
EBIT	997	3.229	4.600	5.054	6.177	6.960	16,1%
Biên LN hoạt động KD	0,3%	1,2%	1,7%	1,9%	1,9%	1,9%	
Thuế khã dụng	-27,8%	-20,0%	-20,0%	-20,0%	-20,0%	-20,0%	
EBIT * (1-mức thuế)	720	2.583	3.680	4.043	4.941	5.568	17,0%
+ Chi phí khấu hao	2.168	2.304	2.330	2.375	2.612	2.943	
% doanh thu	0,7%	0,8%	0,9%	0,9%	0,8%	0,8%	
- CapEx	(2.120)	(2.323)	(2.270)	(2.242)	(1.997)	(2.250)	
% doanh thu	-0,7%	-0,8%	-0,8%	-0,8%	-0,6%	-0,6%	
+ Thay đổi vốn lưu động	1.686	(433)	198	(293)	239	(295)	
% doanh thu	0,6%	-0,2%	0,1%	-0,1%	0,1%	-0,1%	
Chi phí lãi vay và các hoạt động TC khác	1.273	1.783	1.029	1.019	1.245	1.403	
% doanh thu	0,4%	0,6%	0,4%	0,4%	0,4%	0,4%	
Dòng tiền tự do (UFCF)	3.727	3.914	4.967	4.901	7.041	7.369	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 3: Chi phí VCSH

Chi phí VCSH	
Lãi suất phi rủi ro	4,0%
Beta	1,0
Phần bù rủi ro thị trường	11,0%
Chi phí VCSH	15,0%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: WACC và Tăng trưởng dài hạn

Tỷ đồng	
VCSH	24.493
Nợ	14.413
Chi phí nợ	5,0%
Mức thuế	20,0%
WACC	10,9%
Tăng trưởng dài hạn	1,0%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: So sánh các doanh nghiệp trong ngành phân phối xăng dầu

Công ty	Mã CK	Khuyến nghị	Giá hiện tại		Vốn hóa tr.USD	P/E (lần)		Tăng trưởng EPS 3 năm (%)	P/B (lần)		ROE (%)		ROA (%)	
			Nội tệ	Nội tệ		2023	2024		2023	2024	2023	2024	2023	2024
PVOil	OIL VN	KKN	10.400	NA	458	15,8	15,1		1,04	1,0	6,7%	6,9%	6,7%	6,7%
PTT Oil & Retail	OR TB	KKN	20,80	NA	7.209	18,1	17,5		2,09	2,0	11,5%	11,8%	5,9%	5,9%
Petronas Dagangan Bhd	PETD MK	KKN	21,82	NA	4.692	22,7	21,2		3,70	3,7	16,6%	16,8%	9,0%	9,0%
Thai Oil PCL	TOP TB	KKN	46,50	NA	3.000	7,7	5,2		0,61	0,6	8,1%	11,3%	3,4%	3,4%
Hindustan Petroleum	HPCL IN	KKN	274	NA	4.730	5,1	5,7		1,0	0,6	20,3%	12,7%	5,5%	5,5%
ENEOS Holding	5020 JP	KKN	485	NA	10.507	6,7	6,4		0,5	0,4	6,9%	7,0%	2,3%	2,3%
<i>Trung bình</i>						12,7	11,8		1,5	1,4	11,7%	11,1%	5,5%	5,5%

Petrolimex PLX VN Khả Quan 38.050 45.600 2.057 13,0 11,7 46,1% 1,8 1,7 14,7% 15,2% 5,1% 5,7%

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH (DỮ LIỆU NGÀY 13/06)

KQKD Q1/23 phục hồi nhờ nguồn cung xăng dầu nội địa ổn định trở lại

Hình 6: Tổng quan KQKD Q1/23

ĐVT: tỷ đồng	Q1/22	Q1/23	% svck	% sv. dự phóng 2023	Nhận định
Doanh thu thuần	67.020	67.432	0,6%	24,3%	
Lợi nhuận gộp	2.777	3.559	28,1%	25,0%	LN gộp Q1/23 tăng 28,1% svck nhờ nguồn cung xăng dầu trong nước ổn định trở lại khi NMLD Nghi Sơn hoạt động hết công suất, giúp PLX loại bỏ được các khoản chi phí kinh doanh xăng dầu đột biến liên quan đến việc tăng nguồn hàng nhập khẩu như trong Q1/22
<i>Biên LN gộp (%)</i>	<i>4,1%</i>	<i>5,3%</i>	<i>1,1 điểm %</i>		
Chi phí bán hàng	(2.298)	(2.808)	22,2%	28,8%	Chi phí bán hàng Q1/23 tăng 22,2% svck lên 2.808 tỷ đồng do chi phí nhân viên tăng mạnh (+27% svck)
Chi phí QLDN	(182)	(207)	13,7%	26,6%	
EBIT	298	545	82,9%		
LN thuần từ hoạt động tài chính	21	131	519,8%	81,4%	LN tài chính thuần Q1/23 tăng hơn 6 lần so với cùng kỳ lên 131 tỷ đồng nhờ tác động của thu nhập từ tiền gửi cao hơn (+14,2% svck) và lãi tỷ giá ròng cao hơn (đạt 138 tỷ đồng so với lỗ tỷ giá ròng 22 tỷ đồng trong Q1/22) lần át sự gia tăng của chi phí lãi vay (+50,3% svck)
Doanh thu tài chính	321	514	59,8%		
Chi phí tài chính	(300)	(382)	27,4%		
Thu nhập từ LDLK	234	150	-36,0%		
Thu nhập khác (ròng)	18	12	-31,8%		
LNTT	571	838	46,8%	17,3%	
LNST	442	667	50,8%		
LN ròng	243	620	154,7%	16,8%	Thấp hơn so với kỳ vọng do chi phí bán hàng cao hơn dự kiến

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

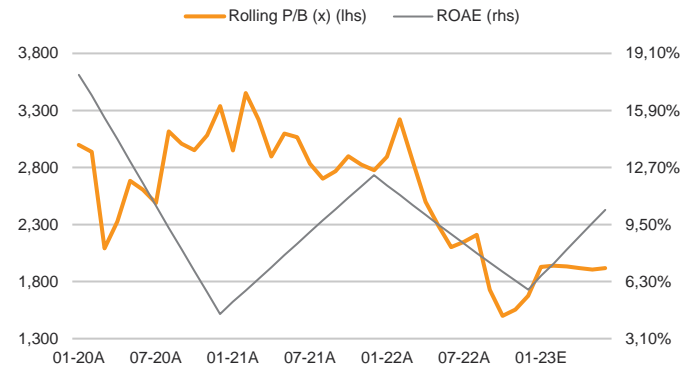
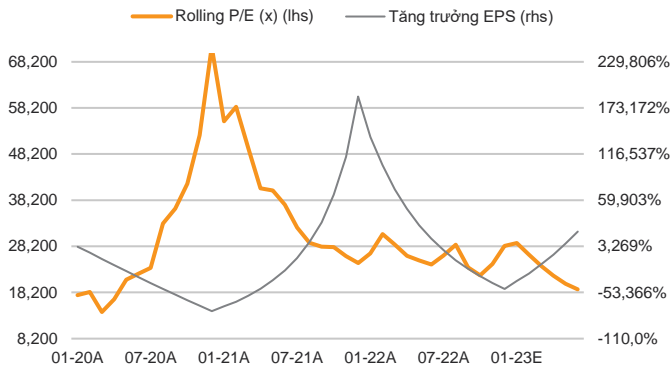
Chúng tôi nâng dự phóng EPS năm 2023 thêm 2,4% nhưng hạ dự phóng EPS năm 2024-25 xuống 4,4%/4,2% do tác động trái chiều của giả định LN tài chính thuần cao hơn và giả định LN từ LDLK thấp hơn

Hình 7: Điều chỉnh dự phóng KQKD năm 2023-25

Tỷ đồng	2023			2024			2025			Nhận định
	Cũ	Mới	% Δ	Cũ	Mới	% Δ	Cũ	Mới	% Δ	
Doanh thu	277.260	277.703	0,2%	273.633	271.305	-0,9%	268.553	268.033	-0,2%	
LN gộp	14.231	14.288	0,4%	15.165	15.112	-0,3%	15.625	15.410	-1,4%	
Biên LN gộp (%)	5,1%	5,1%	0,0 điểm%	5,5%	5,6%	0,0 điểm%	5,8%	5,7%	-0,1 điểm%	
Chi phí bán hàng	9.756	10.253	5,1%	9.669	9.753	0,9%	9.645	9.592	-0,5%	
Chi phí QLDN	776	805	3,7%	766	760	-0,9%	765	764	-0,2%	
EBIT	3.698	3.229	-12,7%	4.729	4.600	-2,7%	5.214	5.054	-3,1%	
LN thuần từ hoạt động tài chính	161	942	483,6%	183	220	20,4%	169	189	11,5%	Chúng tôi nâng giả định LN tài chính thuần trong giai đoạn 2023-25 để phản ánh: (1) khoản LN bất thường khoảng 680 tỷ đồng từ thương vụ thoái vốn PGB vào T4/2023 và (2) kết quả cao hơn dự kiến trong Q1/23
Doanh thu tài chính	1.367	2.285	67,1%	1.351	1.393	3,1%	1.304	1.376	5,5%	
Chi phí tài chính	1.206	1.342	11,3%	1.169	1.173	0,4%	1.134	1.187	4,6%	
Lợi nhuận từ LDLK	772	635	-17,7%	773	608	-21,3%	771	635	-17,7%	Chúng tôi giảm dự phóng LN từ LDLK trong năm 2023-25 do không còn sự đóng góp của PGB kể từ Q2/23
LNTT	4.839	5.012	3,6%	5.889	5.628	-4,4%	6.352	6.073	-4,4%	
LN ròng	3.695	3.783	2,4%	4.388	4.195	-4,4%	4.722	4.522	-4,2%	
EPS (đồng)	2.856	2.924	2,4%	3.391	3.242	-4,4%	3.649	3.495	-4,2%	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Định giá



Báo cáo KQ HKĐK

(tỷVND)	12-22A	12-23E	12-24E
Doanh thu thuần	304.064	277.703	271.305
Giá vốn hàng bán	(291.744)	(263.415)	(256.193)
Chi phí quản lý DN	(823)	(805)	(760)
Chi phí bán hàng	(10.500)	(10.253)	(9.753)
LN hoạt động thuần	997	3.229	4.600
EBITDA thuần	3.165	5.533	6.930
Chi phí khấu hao	(2.168)	(2.304)	(2.330)
LN HĐ trước thuế & lãi vay	997	3.229	4.600
Thu nhập lãi	1.949	2.285	1.393
Chi phí tài chính	(1.706)	(1.342)	(1.173)
Thu nhập ròng khác	328	206	201
TN từ các Cty LK & LD	703	635	608
LN trước thuế	2.270	5.012	5.628
Thuế	(368)	(841)	(1.004)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(452)	(387)	(429)
LN ròng	1.450	3.783	4.195
Thu nhập trên vốn	1.450	3.783	4.195
Cổ tức phổ thông	(1.746)	(906)	(2.588)
LN giữ lại	(296)	2.877	1.607

Bảng cân đối kế toán

(tỷVND)	12-22A	12-23E	12-24E
Tiền và tương đương tiền	11.606	12.436	14.585
Đầu tư ngắn hạn	7.098	8.517	8.091
Các khoản phải thu ngắn hạn	12.674	10.715	9.756
Hàng tồn kho	17.232	15.155	14.043
Các tài sản ngắn hạn khác	1.560	1.638	1.720
Tổng tài sản ngắn hạn	50.170	48.462	48.196
Tài sản cố định	14.284	14.303	14.242
Tổng đầu tư	6.529	6.857	7.543
Tài sản dài hạn khác	3.493	3.562	3.919
Tổng tài sản	74.476	73.184	73.900
Vay & nợ ngắn hạn	13.590	13.858	14.532
Phải trả người bán	24.221	20.574	18.996
Nợ ngắn hạn khác	7.884	7.140	6.927
Tổng nợ ngắn hạn	45.695	41.572	40.455
Vay & nợ dài hạn	823	1.109	1.235
Các khoản phải trả khác	175	193	212
Vốn điều lệ và	12.939	12.939	12.939
LN giữ lại	2.706	5.136	6.671
Vốn chủ sở hữu	24.493	26.868	28.403
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.290	3.442	3.595
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	74.476	73.184	73.900

Báo cáo LCCT

(tỷVND)	12-22A	12-23E	12-24E
LN trước thuế	2.270	5.012	5.628
Khấu hao	2.168	2.304	2.330
Thuế đã nộp	(455)	(841)	(1.004)
Các khoản điều chỉnh khác	(554)	(2.456)	(2.710)
Thay đổi VLĐ	1.686	(433)	198
LC tiền thuần HKĐK	5.116	3.586	4.442
Đầu tư TSCĐ	(2.120)	(2.323)	(2.270)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	241	0	0
Các khoản khác	4.883	(81)	1.765
Thay đổi tài sản dài hạn khác			
LC tiền từ HĐĐT	3.004	(2.404)	(505)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	0	0	0
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ			
Tiền vay ròng nhận được	(961)	554	801
Dòng tiền từ HĐTC khác			
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(1.746)	(906)	(2.588)
LC tiền thuần HĐTC	(2.706)	(352)	(1.787)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6.192	11.606	12.436
LC tiền thuần trong năm	5.414	830	2.150
Tiền & tương đương tiền cuối kì	11.606	12.436	14.585

Các chỉ số cơ bản

	12-22A	12-23E	12-24E
Dupont			
Biên LN ròng	0,5%	1,4%	1,5%
Vòng quay TS	4,37	3,76	3,69
ROAA	2,1%	5,1%	5,7%
Đòn bẩy tài chính	2,81	2,87	2,66
ROAE	5,8%	14,7%	15,2%
Hiệu quả			
Số ngày phải thu	15,2	14,1	13,2
Số ngày nắm giữ HTK	21,6	21,0	20,1
Số ngày phải trả tiền bán	30,3	28,5	27,1
Vòng quay TSCĐ	20,92	19,43	19,01
ROIC	3,4%	8,4%	8,8%
Thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,1	1,2	1,2
Khả năng thanh toán nhanh	0,7	0,8	0,8
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,4	0,5	0,6
Vòng quay tiền	6,5	6,6	6,1
Chỉ số tăng trưởng (yoy)			
Tăng trưởng DT thuần	79,9%	(8,7%)	(2,3%)
Tăng trưởng LN từ HKĐK	(64,2%)	223,9%	42,5%
Tăng trưởng LN ròng	(48,9%)	161,0%	10,9%
Tăng trưởng EPS	(48,9%)	161,0%	10,9%

Nguồn: VND RESEARCH

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng phòng

Email: dung.nguyentien5@vndirect.com.vn

Nguyễn Ngọc Hải – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: hai.nguyennhoc2@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>